TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐIỆN BIÊN** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 11/4/2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Yên**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Quang Khải**

Bà **Lò Thị Thanh Bình**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Tuyết Nhung**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên;

Ngày 11 tháng 4 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 68/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2023 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Chá Thị D** – Sinh năm 1978 (vắng mặt có lý do)
Nơi cư trú: Bản P, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.
- Bị đơn: Anh **Vàng A S** – Sinh năm 1977 (vắng mặt có lý do)
NĐKHKTT: Bản P, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.
Hiện đang chấp hành án tại: Đội 41, phân trại số 1, Trại giam N – Địa chỉ: xã N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30/01/2023 và bản tự khai ngày 02/02/2023, Nguyên đơn chị Chá Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Chá Thị D và anh Vàng A S chỉ cưới nhau theo phong tục tập quán vào năm 2004, không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, ngoài ra anh S nghiện ma túy chị đã động viện đi cai nghiện nhiều lần nhưng anh S không chịu đi cai nghiện. Ngày 18/5/2022, anh S đã bị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên xử phạt 17 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, hiện anh đang đi chấp hành án tại Trại giam N, xã N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị D yêu cầu Tòa án cho ly hôn anh Vàng A S.

Về con chung: Chị Chá Thị D và anh Vàng A S có 05 con chung là Vàng A C sinh ngày 14/6/2005, Vàng A T sinh ngày 27/9/2007, Vàng A L sinh ngày 11/01/2011, Vàng Thị K sinh ngày 29/8/2014, Vàng A P sinh ngày 16/8/2015. Chị D có nguyện vọng được chăm sóc và nuôi dưỡng các con chung cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản:

Tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị D có đơn xin xét xử vắng mặt do bận công việc.

Tại bản tự khai ngày 16/02/2023, Bị đơn anh Vàng A S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Vàng A S và chị Chá Thị D lấy nhau theo phong tục tập quán không có đăng ký kết hôn. Hiện chị D có đơn gửi Tòa án nhân dân huyện Điện Biên giải quyết ly hôn anh S không đồng ý ly hôn chị D vì lý do tháng 6 năm 2023 anh đi chấp hành án song án phạt tù trở về địa phương lúc đó anh sẽ đề nghị Tòa án giải quyết sau.

Về con chung: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản:

Tài sản riêng; Tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh S có đơn xin vắng mặt tại các buổi làm việc và phiên tòa xét xử vụ án do phải đi chấp hành án không về được.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt anh S đồng ý ly hôn chị D, về con chung nhất trí để chị D chăm sóc và nuôi dưỡng, khi nào anh đi chấp hành án xong sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết lại vấn đề nuôi con chung.

Tại các bản tự khai của các con chung đều có ý kiến các cháu xin được ở với bố Vàng A S.

Tại đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân có xác nhận của trưởng bản P, xã N và UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên ngày 02/02/2023 có nội dung: Chị Chá Thị D và anh Vàng A S chỉ cưới nhau theo phong tục tập quán chứ không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh chị chung sống trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc. Anh chị chung sống được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, hơn nữa anh S nghiện ma túy và hiện đang đi chấp hành án với mức hình phạt 17 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Anh chị có 05 con chung Vàng A Chứ sinh ngày 14/6/2005, Vàng A Thái sinh ngày 27/9/2007, Vàng Thị Khía sinh ngày 29/8/2014, Vàng A Pó sinh ngày 16/8/2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 30/01/2023 chị Chá Thị D nộp đơn khởi kiện về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con tại Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên đối với anh Vàng A S có địa chỉ tại Bản P, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Hiện anh S đang đi chấp hành án tại đội 41, phân trại số 01, Trại giam N – Địa chỉ: Xã N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Chị D có quyền yêu cầu giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình. Chị D là người dân tộc thiểu số cư trú tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên đã nộp đơn xin miễn tiền tạm ứng án phí. Sau khi xem xét đơn khởi kiện Tòa án đã thụ lý vụ án vào ngày 02/02/2023 để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị D theo Điều 195 BLTTDS.

Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu Ly hôn giữa chị Chá Thị D và anh Vàng A S thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Chị Chá Thị D và anh Vàng A S đều có đơn đề nghị Tòa án xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228/BLTTDS xét xử vắng mặt chị D, anh S.

[2] Về nội dung.

[2.1] Xét về hôn nhân:

Chị D và anh S đều khai anh chị chỉ cưới nhau theo phong tục tập quán chứ không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống từ năm 2004 cho đến nay chị D và anh S cũng không thực hiện việc đăng ký kết hôn. Tại giấy chứng nhận tình trạng hôn nhân ngày 30/01/2023 và Đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân do chị D giao nộp có xác nhận của UBND xã N đều thể hiện chị D và anh S chung sống như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn. Do đó đã vi phạm vào khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình nên được coi là hôn nhân không hợp pháp. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, chị Dúa cho rằng nguyên nhân chính là do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, ngoài ra anh S nghiện ma túy và hiện đang đi chấp hành án tại Trại giam N với mức hình phạt 17 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo bản án số 154/2022/HS-ST ngày 18/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Trại giam N cũng xác nhận anh S đang chấp hành án tại đội 41, phân trại số 01, Trại giam N. Như vậy có đủ cơ sở khẳng định cuộc sống vợ chồng của chị D và anh S không còn hạnh phúc, có mâu thuẫn là đúng. Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng trạng hôn nhân giữa chị D và anh S đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài,

mục đích hôn nhân không đạt được. Tại đơn xin xét xử vắng mặt chị D vẫn giữ nguyên quan điểm và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được chấm dứt quan hệ vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của đương sự và để giải phóng cho chị D khỏi tình trạng hiện tại khi mà hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc, vì vậy cần thiết phải tuyên bố quan hệ giữa chị D và anh S không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2.2] Xét về con chung: Chị D và anh S có 05 con chung là Vàng A C sinh ngày 14/6/2005, Vàng A T sinh ngày 27/9/2007, Vàng A L sinh ngày 11/01/2011, Vàng Thị K sinh ngày 29/8/2014, Vàng A P sinh ngày 16/8/2015. Chị D có ý kiến con chung sẽ do chị trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động, việc cấp dưỡng nuôi con chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại các bản tự khai của các con chung đều xin ở với anh Vàng A S. Hội đồng xét xử nhận thấy, do anh S đang đi chấp hành án nên không có đủ điều kiện chăm sóc các con chung. Hội đồng xét xử Căn cứ Điều 69 và Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận nguyện vọng của chị D. HĐXX giao con chung cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi thành niên hoặc khi có thay đổi khác. Anh S có quyền đi lại thăm con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3] Xét về tài sản:

Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Chị D và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết. HĐXX không xem xét.

[2.4] Về nghĩa vụ chịu án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Chá Thị D là dân tộc thiểu số sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn tiền án phí nên được miễn toàn bộ án phí DSST.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 1 Điều 51; Điều 53 Điều 69; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Chá Thị D và anh Vàng A S là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung là Vàng A C sinh ngày 14/6/2005, Vàng A T sinh ngày 27/9/2007, Vàng A L sinh ngày 11/01/2011, Vàng Thị K sinh ngày 29/8/2014, Vàng A P sinh ngày 16/8/2015 cho chị Chá Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên hoặc khi có thay đổi khác.

Cấp dưỡng nuôi con: Chị D và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về quan hệ tài sản: Chị D và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Chá Thị D được miễn toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Yên

Nơi nhận:
- *VKSND HĐB;*
- *Các đương sự;*
- *Chi cục THADS HĐB;*
- *Lưu VP;*
- *Tòa án tỉnh ĐB;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*